| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ TÂN CHÂU**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Bản án số: 12/2022/DS-ST<br>Ngày: 28 – 6 – 2022<br>V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hữu Dẫm

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Phạm Hồng Thuận;

2. Bà Thái Trân.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hồng Thắm – là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 118/2021/TLST- DS ngày 29 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2022/QĐST-DS ngày 03/6/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phan Ngọc N, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Ấp C, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang; Chổ ở hiện nay: Ấp Đ, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Đồng bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1973 và bà Đinh Thị Kim T, sinh năm: 1972; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 08/11/2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phan Ngọc N trình bày:

Vào ngày 02/8/2019, vợ chồng ông Nguyễn Thanh H và bà Đinh Thị Kim T có vay của chị Phan Ngọc N số tiền là 150.000.000 đồng, với lãi suất 3%/tháng, thời hạn 02 tháng, đến hạn phía ông H, bà T không thanh toán vốn và lãi cho chị N và 02 bên quyết toán, phía ông H bà T còn nợ chị N là 170.000.000 đồng (trong đó vốn

vay là 150.000.000 đồng và lãi vay là 20.000.000 đồng) phía ông H, bà T có làm giấy biên nhận cho chị N vào ngày 02 tháng 8 năm 2019 (theo biên nhận nợ ngày 02/8/2019). Việc vay trên, 02 bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không làm hợp đồng, khi vay phía ông H, bà T có làm giấy biên nhận nợ cho chị N như đã nêu trên.

Kế tiếp, phía ông H và bà T có hợp đồng góp hụi với chị N do chị N làm chủ hụi, ông H và bà T là hụi viên cụ thể như sau:

Dây hụi thứ 1: Hụi 5.000.000 đồng, gồm 21 phần, ông H và bà T tham gia 01 phần, hụi hưởng hoa hồng 1.500.000 đồng, hụi khởi sự vào ngày 08/7/2018 al và kết thúc vào ngày 08/4/2020 al, loại hụi tháng bia một lần. Ông H và bà T hốt vào ngày 18/11/2018 al giá 725.000 đồng đã chầu hụi đến ngày 08/7/2019 al thì ngưng không chầu hụi nữa. Còn nợ lại tiền hụi chết của dây hụi này là 9 lần bằng 45.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 1: Hụi 5.000.000 đồng, gồm 20 phần, ông H và bà T tham gia 01 phần, hụi hưởng hoa hồng 1.500.000 đồng, hụi khởi sự vào ngày 15 tháng 10 năm 2018 al và kết thúc vào ngày 15/6/2020 al, loại hụi tháng bia một lần. Ông H và bà T hốt vào ngày 15/12/2018 al giá 720.000 đồng đã chầu hụi đến ngày 15/7/2019 al thì ngưng không chầu hụi nữa, còn nợ lại tiền hụi chết của dây hụi này là 11 lần bằng 55.000.000 đồng.

Cả 02 dây hụi trên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, có làm giấy hụi, không có hợp đồng, tổng cộng 02 dây hụi trên phía ông H, bà T còn nợ lại chị N số tiền hụi là 100.000.000 đồng.

Khi ông H và bà T kể từ ngày đi nơi khác làm ăn sinh sống thì có gửi về trả cho chị N được 02 lần với số tiền là 9.000.000 đồng (gồm: lần 1 là 5.000.000 đồng và lần 2 là 4.000.000 đồng). Ông H, bà T còn nợ lại là chị N là 261.000.000 đồng.

Nay chị N yêu cầu ông H và bà T có trách nhiệm trả cho chị N số tiền hụi và tiền vay còn nợ lại là 261.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 02/8/2019 al đối với số tiền nợ vay là 161.000.000 đồng đến ngày xét xử.

2. Đồng bị đơn, ông Nguyễn Thanh H và bà Đinh Thị Kim T trình bày:

Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử công bố biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 25/02/2022, ông H và bà T xác định có vay tiền và góp hụi của chị N, hai bên không có làm hợp đồng, chỉ thỏa thuận bằng lời nói, góp hụi chị N có làm giấy hụi khi vay thì ông H, bà T có làm biên nhận nợ và còn nợ lại chị N số tiền vay và tiền hụi là 261.000.000 đồng như lời trình bày trên của chị N.

Do điều kiện hoàn cảnh khó khăn, bỏ địa phương đi nơi khác làm ăn mua bán kiếm tiền sinh sống, ông H, bà T xin trả cho chị N mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ 261.000.000 đồng và xin khỏi phải trả lãi phát sinh.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh H và bà Đinh Thị Kim T vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn chị N rút một phần yêu cầu khởi kiện với lãi phát sinh theo quy định của pháp luật của số tiền ông H, bà T vay 170.000.000 đồng, không đồng ý yêu cầu trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ vốn vay và nợ hụi còn lại là 261.000.000 đồng, yêu cầu ông H, bà T có trách nhiệm trả số nợ tiền hụi và tiền vay còn lại như đã nêu trên và không yêu cầu giao nộp thêm tài liệu chứng cứ; đồng bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không rõ lý do.

3. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Ông Nguyễn Thanh H và bà Đinh Thị Kim T vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với ông H, bà T.

*Về nội dung:* Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi được xác lập giữa các bên. Các bên thực hiện việc vay tài sản và góp hụi không xác lập hợp đồng mà vay tài sản thỏa thuận qua lời nói, có làm biên nhận và được thể hiện sự thừa nhận của các bên đương sự. Việc góp hụi được thể hiện qua giấy hụi.

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm này, chị N rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi phát sinh của số tiền vay 170.000.000 đồng.

Đề nghị HĐXX, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị N về việc yêu cầu ông H, bà T có trách nhiệm trả cho chị N số tiền lãi phát sinh đối với số nợ vay 170.000.000 đồng theo quy định pháp luật từ ngày chưa thanh toán lãi cho đến ngày xét xử.

Ông H, bà T thừa nhận còn nợ lại chị N số tiền vốn vay là 170.000.000 đồng và tiền nợ hụi là 100.000.000 đồng đã thanh toán được 9.000.000 đồng và còn nợ lại tiền nợ hụi và tiền vay là 261.000.000 đồng như lời trình bày trên của chị N; ông H, bà T có yêu cầu chị N không tính lãi phát sinh tiếp tục và xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi dứt số nợ vay và nợ hụi trên nhưng không được chị N đồng ý về phương thức thanh toán.

Do đó, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ các Điều 217; 218 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463; 466 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 16, Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ. Đề nghị HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị N đối với lãi suất phát sinh theo quy định pháp luật từ ngày chưa trả lãi cho đến ngày xét xử đối với số tiền vay 170.000.000 đồng; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện

của chị N, buộc ông H và bà T có trách nhiệm trả số tiền nợ hụi và nợ vay là 261.000.000 đồng cho chị N.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi, đồng bị đơn ông Nguyễn Thanh H và bà Đinh Thị Kim T, cùng cư trú: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đương sự đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

Về sự vắng mặt của đồng bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H và bà Đinh Thị Kim T, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Thanh H và bà Đinh Thị Kim T.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và pháp luật áp dụng để giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Giao dịch dân sự về hợp đồng vay tài sản được xác lập năm 2019; việc góp hụi thời hạn kết thúc dây hụi vào năm 2020. Căn cứ Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 nên vụ án vẫn còn thời hiệu.

[2] Về nội dung vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; lời khai của các đương sự. Xác định vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi được xác lập giữa các bên. Các bên không thực hiện xác lập hợp đồng mà thỏa thuận bằng lời nói, làm biên nhận và có giấy hụi và xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không trái quy định pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên.

Trong quá trình tố tụng, chị N xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu ông H, bà T trả lãi phát sinh đối với số nợ vay 170.000.000 đồng với mức lãi suất theo quy định pháp luật từ 02/8/2019 al cho đến ngày xét xử.

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn chị N yêu cầu ông H, bà T có trách nhiệm trả cho chị N số nợ vốn vay và nợ hụi còn lại là 261.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi phát sinh theo quy định pháp luật đối khoản vay 170.000.000 đồng từ khi ông H, bà T chưa trả lãi vay phát sinh cho đến ngày xét xử.

Từ những kết quả trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu, đề nghị của chị N là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Xét ý kiến của đồng bị đơn, ông H, bà T thừa nhận có vay tiền và tham gia góp hụi với chị N và còn nợ lại chị N tổng số tiền là 261.000.000 đồng, xin khỏi phải trả lãi phát sinh kể từ ngày vay đến nay đối với số nợ vay là 170.000.000 đồng, chị N đồng ý không tính lãi phát sinh.

[2.3] Xét về phương thức thanh toán: Bị đơn ông Nguyễn Thanh H và bà Đinh Thị Kim T có yêu cầu trả cho chị N mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi dứt số nợ 261.000.000 đồng nhưng không được sự đồng ý của chị N và chị N có yêu cầu ông H, bà T trả ngay một lần dứt số nợ vốn như trình bày trên của chị N. Hội đồng xét xử, xét thấy yêu cầu của ông H, bà T không được chị N chấp nhận nên yêu cầu xin trả dần của ông H, bà T không có cơ sở xem xét.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông H, bà T có trách nhiệm trả cho chị N số tiền vốn vay và tiền nợ hụi còn lại là 261.000.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận: Ông H, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, các điều 144, 147, 244, 271, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 351, Điều 463, Điều 466 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với chị Phan Ngọc N không yêu cầu ông Nguyễn Thanh H và bà Đinh Thị Kim T có trách nhiệm trả cho chị Phan

Ngọc N tiền lãi phát sinh với mức lãi suất theo quy định pháp luật từ 02/8/2019al cho đến ngày xét xử đối với số nợ vay là 170.000.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Ngọc N: Buộc ông Nguyễn Thanh H và bà Đinh Thị Kim T có trách nhiệm trả cho chị Phan Ngọc N số tiền vay và tiền hụi là: 261.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi một triệu) đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh H và bà Đinh Thị Kim T chịu án phí dân sự sơ thẩm 13.050.000 (mười ba triệu không trăm năm chục nghìn) đồng. Hoàn lại cho chị Phan Ngọc N số tiền 6.750.000 (sáu triệu bảy trăm trăm năm chục nghìn) đồng theo biên lai thu số 0005960 ngày 23 tháng 11 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Văn phòng.

**Phạm Hữu Dẫm**